TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **184**/2025/DS-ST
Ngày 15-8-2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**
Bà **Nguyễn Thị Cúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Lê Nguyên Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T2; Địa chỉ: Tầng A, tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc khu chức năng số 1-số A, đường T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chun Young I – Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ – sinh năm 1994, bà Lê Thị Thảo N – sinh năm 1997, ông Trần Hoàng H – sinh năm 1991 và bà Nguyễn Ngọc A – sinh năm 1999 và bà Võ Thị L – sinh năm 1993; cùng địa chỉ liên hệ: Số N, phường H, TP Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 47/UQ.25 ngày 03.3.2025). Bà A có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Anh T – sinh năm 1993; Địa chỉ: H76/20, tổ D, phường H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty T2 – đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:**

Công ty T2 (Sau đây gọi tắt là "Công ty T2" hoặc "Công ty") và ông Trần Anh T đã ký kết 02 Hợp đồng cho vay tiêu dùng (Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng"), cụ thể:

Vào 31/05/2023, Công ty T2 cho ông Trần Anh T vay hợp đồng tín dụng số 101398659 với số tiền 65,000,000 đồng *(Sáu mươi lăm triệu đồng)* với lãi suất thỏa thuận 31.5%/năm, mục đích vay: mua phương tiện đi lại và tiêu dùng; loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 31/05/2023, Công ty T2 đã giải ngân đủ số tiền 65,000,000 đồng *(Sáu mươi lăm triệu đồng)* cho ông Trần Anh T.

Tiếp đến vào ngày 05/10/2023, Công ty T2 cho ông Trần Anh T vay hợp đồng tín dụng số 101549838 với số tiền 38,000,000 đồng *(Ba mươi tám triệu đồng)* với lãi suất thỏa thuận 31.5%/năm, mục đích vay: mua phương tiện đi lại và tiêu dùng; loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 05/10/2023, Công ty T2 đã giải ngân đủ số tiền 38,000,000 đồng *(Ba mươi tám triệu đồng)* cho ông Trần Anh T.

Căn cứ quy định của hợp đồng tín dụng số 101398659, ông Trần Anh T có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ vào ngày 16 hàng tháng, mỗi tháng trả 2370359 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 16/06/2023, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền 2,3703,59 đồng vào ngày 16/05/2027. Tuy nhiên tính đến nay, ông Trần Anh T chỉ mới thanh toán cho Công ty T2 tổng cộng 10 kỳ với tổng số tiền là 23,710,000 đồng. Trong đó:

- Gốc đã trả: 8,481,219 đồng.

- Lãi đã trả: 15,228,781 đồng.

Căn cứ quy định của hợp đồng tín dụng số 101549838, ông Trần Anh T có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ vào ngày 16 hàng tháng, mỗi tháng trả 1379625 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 16/10/2023, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền 1,379,618 đồng vào ngày 16/09/2027. Tuy nhiên tính đến nay, ông Trần Anh T chỉ mới thanh toán cho Công ty T2 tổng cộng 6 kỳ với tổng số tiền là 8,280,000 đồng. Trong đó:

- Gốc đã trả: 3,172,559 đồng.

- Lãi đã trả: 5,107,441 đồng.

Từ đó đến nay ông Trần Anh T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Công ty T2 mặc dù Công ty T2 đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Việc ông Trần Anh T không thanh toán tiền cho Công ty T2 là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm thỏa thuận Hợp đồng, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Do đó, Công ty T2 đã quyết định chấm dứt hợp đồng tín dụng số 101343656 101549838, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của ông Trần Anh T kể từ ngày 04/03/2025 theo thông báo đề ngày 04/03/2025 *(Bưu kiện mã vận đơn số EC553069661VN).*

Vì vậy, Công ty T2 đã khởi kiện ông Trần Anh T ra Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đà Nẵng để yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, Công ty T2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Anh T, cụ thể:

- Yêu cầu ông Trần Anh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính của Hợp đồng cho vay số 101398659 đến hết ngày 15/8/2025 (Ngày tạm tính), như sau:

- Nợ gốc	56,518,110	đồng
- Nợ lãi trong hạn tạm tính	15,556,847	đồng
- Lãi chậm trả/ gốc quá hạn	13,597,669	đồng
- Lãi chậm trả/lãi quá hạn	1,419,244	đồng
TỔNG CỘNG	87,091,870	đồng

(Bằng chữ: T1 mươi bảy triệu, không trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm bảy mươi đồng).

- Yêu cầu ông Trần Anh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính của Hợp đồng cho vay số 101549838 đến hết ngày 15/8/2025 (Ngày tạm tính), như sau:

- Nợ gốc	34,827,460	đồng
- Nợ lãi trong hạn tạm tính	9,727,218	đồng
- Lãi chậm trả/ gốc quá hạn	9,832,287	đồng
- Lãi chậm trả/lãi quá hạn	884,534	đồng
TỔNG CỘNG	55,271,499	đồng

(Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng).

- Yêu cầu ông Trần Anh T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo 02 (hai) Hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày 16/8/2025 cho đến khi thanh toán xong dự nợ gốc.

*** Bị đơn là ông Trần Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Anh T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 số tiền tính đến ngày 15/8/2025 là 142.363.369 (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi chín đồng); trong đó: Hợp đồng tín dụng số 101398659 ngày 31/5/2023 là 87.091.870 đồng (Nợ gốc 56.518.110 đồng; Lãi trong hạn 15.556.847 đồng; Lãi quá hạn 13.597.669 đồng; Lãi chậm trả lãi 1.419.244 đồng). Hợp đồng tín dụng số 101549838 ngày 05/10/2023 là 55.271.499 đồng (Nợ gốc 34.827.460 đồng; Lãi trong hạn 9.727.218 đồng; Lãi quá hạn 9.832.287 đồng; Lãi chậm trả lãi 884.534 đồng). Buộc ông Trần Anh T tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 16/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Công ty T2 với bị đơn Trần Anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn Trần Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Trần Anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Trần Anh T.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ do Công ty T2 giao nộp thì giữa ông Trần Anh T và Công ty T2 ký kết 02 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 101398659 ngày 31/5/2023, hạn mức tín dụng 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng); Lãi suất trong hạn: 31,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất áp dụng cho nợ lãi chậm thanh toán: 10%/năm; Mục đích vay: Mua phương tiện đi lại và tiêu dùng. Tại hợp đồng tín dụng thỏa thuận ông Trần Anh T có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 48 kỳ vào ngày 16 hàng tháng, mỗi tháng trả 2.370.359 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 16/6/2023, kỳ cuối cùng vào ngày 16/5/2027. Công ty T2 giải ngân khoản vay vào ngày 31/5/2023.

- Hợp đồng tín dụng số 101549838 ngày 05/10/2023, hạn mức tín dụng 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng); Lãi suất trong hạn: 31,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất áp dụng cho nợ lãi chậm thanh toán: 10%/năm; Mục đích vay: Mua phương tiện đi lại và tiêu dùng. Tại hợp đồng tín dụng thỏa thuận ông Trần Anh T có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 48 kỳ vào ngày 16 hàng tháng, mỗi tháng trả 1.379.625 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 16/10/2023, kỳ cuối cùng vào ngày 16/9/2027. Công ty T2 giải ngân khoản vay vào ngày 05/10/2023.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Công ty T2 và ông Trần Anh T là hợp đồng hợp pháp về cả nội dung, hình thức nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Trần Anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/4/2024. Do đó, Công ty T2 căn cứ khoản 9.1 Điều 9 của Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay để chấm dứt hợp đồng và khởi kiện thu hồi nợ trước hạn, yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Anh T thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3] Bị đơn, ông Trần Anh T mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ Công ty T2, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc ông Trần Anh T nợ Công ty T2 số tiền gốc tính đến ngày 15/8/2025 là 91.345.570 đồng, trong đó: nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 101398659 ngày 31/5/2023 là 56.518.110 đồng, nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 101549838 ngày 05/10/2023 là 34.827.460 đồng.

Đối với số tiền lãi, tại Hợp đồng tín dụng số 101398659 ngày 31/5/2023 và Hợp đồng tín dụng số 101549838 ngày 05/10/2023 đã thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả lãi. Việc thỏa thuận về lãi suất là phù hợp quy định tại khoản tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 Quy định về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và các quy định hiện nay tại khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 nên HĐXX chấp nhận. Như vậy, ông Trần Anh T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 51.017.799 đồng, trong đó số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 101398659 ngày 31/5/2023 là: Lãi trong hạn 15.556.847 đồng; Lãi quá hạn 13.597.669 đồng; Lãi chậm trả lãi 1.419.244 đồng). Số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 101549838 ngày 05/10/2023 là Lãi trong hạn 9.727.218 đồng; Lãi quá hạn 9.832.287 đồng; Lãi chậm trả lãi 884.534 đồng).

[2.4] Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm 15/8/2025 ông Trần Anh T phải có nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 101398659 ngày 31/5/2023 và Hợp đồng tín dụng số 101549838 ngày 05/10/2023 là 142.363.369 (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi chín

đồng); trong đó: Hợp đồng tín dụng số 101398659 ngày 31/5/2023 là 87.091.870 đồng (Nợ gốc 56.518.110 đồng; Lãi trong hạn 15.556.847 đồng; Lãi quá hạn 13.597.669 đồng; Lãi chậm trả lãi 1.419.244 đồng). Hợp đồng tín dụng số 101549838 ngày 05/10/2023 là 55.271.499 đồng (Nợ gốc 34.827.460 đồng; Lãi trong hạn 9.727.218 đồng; Lãi quá hạn 9.832.287 đồng; Lãi chậm trả lãi 884.534 đồng).

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 142.363.369 đồng x 5% = 7.118.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng 2024;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 đối với Trần Anh T về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc Trần Anh T phải thanh toán cho Công ty T2 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/8/2025 là 142.363.369 (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi chín đồng); trong đó: Hợp đồng tín dụng số 101398659 ngày 31/5/2023 là 87.091.870 đồng (Nợ gốc 56.518.110 đồng; Lãi trong hạn 15.556.847 đồng; Lãi quá hạn 13.597.669 đồng; Lãi chậm trả lãi 1.419.244 đồng). Hợp đồng tín dụng số 101549838 ngày 05/10/2023 là 55.271.499 đồng (Nợ gốc 34.827.460 đồng; Lãi trong hạn 9.727.218 đồng; Lãi quá hạn 9.832.287 đồng; Lãi chậm trả lãi 884.534 đồng).

Ông Trần Anh T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 101398659 ngày 31/5/2023 và Hợp đồng tín dụng số 101549838 ngày 05/10/2023 kể từ ngày 16/8/2025 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp

tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.118.000 đồng (Bảy triệu một trăm mười tám ngàn đồng).

- Hoàn trả cho Công ty T2 số tiền tạm ứng án phí 1à 2.934.367 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0005397 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh